

Số: /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương: số 49/QĐ-BCT ngày 09/01/2024 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1299/QĐ-BCT ngày 31/5/2023 về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; số 469/QĐ-BCT ngày 05/3/2024 công bố TTHC mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực xúc tiến thương mại; số 739/QĐ-BCT ngày 29/3/2024 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/2/2020 về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung/bãi bỏ; số 821/QĐ-BCT ngày 10/4/2024 công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực quản lý cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 17/TTr-SCT ngày 20/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm: 05 (năm) TTHC mới ban hành lĩnh vực Xúc tiến thương mại, 01 (một) TTHC mới ban hành lĩnh vực Quản lý Cụm công nghiệp, 01 (một) TTHC sửa đổi bổ sung lĩnh vực Quản lý cạnh tranh - quản lý bán hàng đa cấp, 02 (hai) TTHC sửa đổi bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.

(có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính này thực hiện theo các Quyết định của Bộ Công Thương: số 49/QĐ-BCT ngày 09/01/2024; số 469/QĐ-BCT ngày 05/3/2024; số 739/QĐ-BCT ngày 29/3/2024; số 821/QĐ-BCT ngày 10/4/2024.

Điều 3. Giao Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NCKS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Văn Hoàn

Phụ lục
DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH, TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG, THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

I. TTHC MỚI BAN HÀNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI						
1	2.002604	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	- 12 (mười hai) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh	Không	Quyết định số 469/QĐ-BCT ngày 05/3/2024 của Bộ Công Thương
2	2.002605	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	08 (tám) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh	Không	Quyết định số 469/QĐ-BCT ngày 05/3/2024 của Bộ Công Thương

3	2.002606	Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	<p>- 08 (tám) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP.</p> <p>- 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP.</p>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh		Quyết định số 469/QĐ-BCT ngày 05/3/2024 của Bộ Công Thương
4	2.002607	Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	08 (tám) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh	Không	Quyết định số 469/QĐ-BCT ngày 05/3/2024 của Bộ Công Thương

5	2.002608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi giấy phép giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện mà không nhận được bất kỳ thông báo, khiếu nại, khiếu kiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Sở Công Thương tỉnh Thái Bình xem xét, chấp thuận việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện và rút Giấy phép trong vòng 07 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh	Không	Quyết định số 469/QĐ-BCT ngày 05/3/2024 của Bộ Công Thương
LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP						
6		Thành lập/ mở rộng cụm công nghiệp	Tổng thời gian: 57 (năm mươi bảy) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó: Bước 1 thực hiện trong 05 (năm) ngày làm việc để thông báo tiếp nhận hồ sơ và 15 (mười lăm) ngày để nhận hồ sơ; Bước 2 thực hiện trong 05 (năm) ngày làm việc; Bước 3 thực hiện trong 25 (hai mươi lăm) ngày; bước 04 thực hiện trong 07 (bảy) ngày làm việc).	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện, cấp tỉnh	Không	Quyết định số 821/QĐ-BCT- ngày 10/4/2024 của Bộ Công Thương.

II. TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH							
1	2.000631.00 0.00.00.H54	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (thủ tục số 02 phần I Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh Thái Bình)	- Thành phần hồ sơ; - Thời gian giải quyết.	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thái Bình	không	Quyết định số 49/QĐ-BCT ngày 09/01/2024 của Bộ Công Thương.
LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM							
2	2.000591.00 0.00.00.H54	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (thủ tục số 08 phần I Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Thái Bình)	Thời hạn giải quyết: Sửa đổi thời gian giải quyết TTHC: Trong thời gian 10 ngày làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thái Bình	Theo Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12/8/2020 sửa đổi một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, quy định mức thu: + Đối	Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29/3/2024 của Bộ Công Thương.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý
						với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/lần/cơ sở. + Đối với Cơ sở sản xuất khác: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở. + Đối với Cơ sở kinh doanh: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.	
3	2.000535.00 0.00. 00.H54	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (thủ tục số 09 phần I Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Thái Bình)	Sửa đổi thời gian giải quyết TTHC: Trong thời gian 10 ngày làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thái Bình	Theo Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12/8/2020 sửa đổi một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, quy định mức thu: + Đối	Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29/3/2024 của Bộ Công Thương.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý
						với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/lần/cơ sở. + Đối với Cơ sở sản xuất khác: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở. + Đối với Cơ sở kinh doanh: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.	
